

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 103/TB-HĐQT
V/v: BCTC bán niên soát xét 2018

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý cổ đông.

I/ GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Cơ điện công trình.**
2. Mã chứng khoán: **MES**
3. Địa chỉ: Tầng 8, tháp A, tòa nhà Sky Tower, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
4. Điện thoại: 024 39331768/3933225 – Fax: 024 39332225
5. Website: mesc.com.vn

II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:

1/ Công bố toàn văn Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE).

2/ Công bố ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên:

Trên báo cáo kiểm toán, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như sau:

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản công nợ phải thu và trả trước cho người bán đã tồn đọng lâu ngày với giá trị 10.296.118.649 đồng và chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho với giá gốc 2.685.471.000 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi đối với khoản nợ phải thu, trả trước cho người bán và đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên cũng như không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như đã thuyết minh tại phần IV mục II của bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty ghi nhận giá vốn của công trình xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Dương Xá, Kim Sơn, Huyện Gia Lâm bằng với doanh thu được ghi nhận trong kỳ với giá trị: 7.683.306.455 đồng mà không ghi nhận theo chi phí



thực tế phát sinh tương ứng với phần công việc đã hoàn thành. Với những tài liệu mà công ty cung cấp chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc ghi nhận giá vốn nêu trên đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018”.

Công ty cổ phần Cơ điện công trình cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố.

Toàn văn báo cáo tài chính bán niên 2018 được soát xét được Công ty công bố chi tiết trên Cổng thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên website của công ty.

Trân trọng thông báo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT: BKS;
- Đăng tải Website;
- Lưu: TCHC, TCKT.


TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN
CÔNG TRÌNH
QUẬN ĐÔNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI
Nguyễn Kim Cường


5190-C.T.C.P.
TY
CỔ PHẦN
CƠ ĐIỆN
CÔNG TRÌNH
- T.P. HÀ NỘI



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Trụ sở chính: Tầng 11 tòa nhà Sông Đà
Số 165, đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 024. 6267 0491/492/493 - Fax: 024. 6267 0494
Website: www.vae.com.vn

Chi nhánh: Số 15/4 Nguyễn Huy Tưởng
Phường 6, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 028. 6294 1117 / 6252 1818 - Fax: 028. 6294 1119

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ : Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 – 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 33

S-C.
TY
HUU
= DIN
NA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ điện công trình (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên (Phụ trách HĐQT từ ngày 31/10/2017)
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Chung	Thành viên (Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/01/2018)
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Kim Cương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Chung	Phó Tổng giám đốc (Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/01/2018)
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH



Nguyễn Kim Cương
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Số: 550 -18/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10/08/2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của một số khoản công nợ phải thu và trả trước cho người bán đã tồn đọng lâu ngày với giá trị 10.296.118.649 đồng và chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho với giá gốc 2.685.471.000 đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc đánh giá giá trị có thể thu hồi đối với khoản nợ phải thu, trả trước cho người bán và đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên cũng như không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**
(tiếp theo)

Như đã thuyết minh tại phần IV mục 11 của bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong kỳ Công ty ghi nhận giá vốn của công trình xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Dương Xá, Kim Sơn, Huyện Gia Lâm bằng với doanh thu được ghi nhận trong kỳ với giá trị: 7.683.306.455 đồng mà không ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh tương ứng với phần công việc đã hoàn thành. Với những tài liệu mà công ty cung cấp chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc ghi nhận giá vốn nêu trên đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.544.550.441	65.885.803.540
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	8.848.666.168	19.960.644.275
1 Tiền	111		2.397.592.903	7.261.043.880
2 Các khoản tương đương tiền	112		6.451.073.265	12.699.600.395
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.703.870.162	21.561.697.815
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	9.703.870.162	21.561.697.815
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.980.246.027	18.548.937.114
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	9.305.722.451	10.158.876.031
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.359.810.252	492.069.972
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	8.314.713.324	7.897.991.111
IV Hàng tồn kho	140		5.598.263.542	5.610.653.476
1 Hàng tồn kho	141n	V.7.	5.598.263.542	5.610.653.476
V Tài sản ngắn hạn khác	150		413.504.542	203.870.860
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		228.603.437	18.969.755
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	184.901.105	184.901.105
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.776.082.905	125.143.340.850
I Các khoản phải thu dài hạn	210		21.220.429.167	21.220.429.167
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	21.220.429.167	21.220.429.167
II Tài sản cố định	220		73.815.653.738	74.657.592.553
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	60.379.676.738	61.221.615.553
- Nguyên giá	222		67.970.615.750	67.970.615.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.590.939.012)	(6.749.000.197)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	13.435.977.000	13.435.977.000
- Nguyên giá	228		13.435.977.000	13.435.977.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	46.740.000.000	29.265.319.130
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.740.000.000	13.265.319.130
2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.000.000.000	16.000.000.000
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		185.320.633.346	191.029.144.390

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
C NỢ PHẢI TRẢ	300		7.982.744.278	12.168.475.371
I Nợ ngắn hạn	310		7.441.745.318	11.626.764.491
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	5.104.758.480	4.968.210.025
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	2.020.168.187	6.418.999.287
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	-	-
4 Phải trả người lao động	314		99.459.812	-
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	192.580.528	214.776.868
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		24.778.311	24.778.311
II Nợ dài hạn	330		540.998.960	541.710.880
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.13.	540.998.960	541.710.880
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.337.889.068	178.860.669.019
I Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	177.337.889.068	178.860.669.019
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		186.000.000.000	186.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		186.000.000.000	186.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.662.110.932)	(7.139.330.981)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(7.139.330.981)	35.720.818
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		(1.522.779.951)	(7.175.051.799)
3 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		185.320.633.346	191.029.144.390

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	10.324.575.244	6.471.448.843
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		10.324.575.244	6.471.448.843
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	9.597.748.137	5.260.504.537
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		726.827.107	1.210.944.306
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	483.324.514	754.809.468
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.	2.815.572.931	4.110.906.731
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(1.605.421.310)	(2.145.152.957)
11 Thu nhập khác	31	VI.4.	117.900.480	-
12 Chi phí khác	32	VI.5.	35.259.121	127.635.577
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		82.641.359	(127.635.577)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.522.779.951)	(2.272.788.534)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8.	-	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.522.779.951)	(2.272.788.534)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9.	(81,87)	(122,19)

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng

Nguyễn Tiên Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.522.779.951)	(2.272.788.534)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	841.938.815	905.196.540
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(483.324.514)	(754.809.468)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.164.165.650)	(2.122.401.462)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(640.934.369)	1.484.941.100
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.389.934	555.907.911
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(4.185.731.093)	(993.058.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.978.441.178)	(1.074.610.688)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(1.200.000.000)	
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.236.205.000	1.861.629.721
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.474.680.870)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	304.938.941	754.809.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.133.536.929)	2.616.439.189
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(11.111.978.107)	1.541.828.501
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.960.644.275	14.460.274.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 V.01	8.848.666.168	16.002.103.176

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiên Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ điện công trình (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình được cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện công trình theo Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106190 ngày 04/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0100106190 thay đổi lần thứ 10 ngày 07/04/2016 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **186.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu tỷ đồng).

Trong đó, Nhà nước góp 183.938.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tám mươi ba tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu đồng), chiếm 98,89%.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là MES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng và dịch vụ thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng, chăm sóc, ương cây, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Lắp đặt hệ thống điện; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp. Chi tiết: Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái; Quản lý công viên, cây xanh; Chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước; Quản lý chung cư; Quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị;

(Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh sau khi có đủ điều kiện pháp luật quy định và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động)/.

Trụ sở Công ty tại: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Bất động sản Sài Đồng có trụ sở chính tại phố Sài Đồng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kinh doanh bất động sản. Tại ngày 30/06/2018, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty này là 29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Hà Nội.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày phát sinh hoạt động tiền gửi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tại 30/06/2018, Công ty không xem xét trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 30/06/2018, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

6. Nguyên tắc ghi nhận và kế toán TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Công ty chưa thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định khác là vườn cây lâu năm có nguyên giá là: 651.085.030 đồng.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Giá trị quyền sử dụng 1.000 m2 sàn văn phòng của Tòa nhà thuộc dự án Khu chức năng hỗn hợp tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sở hữu 1.000 m2 sàn văn phòng có giá trị 13.435.977.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong một số các bên tham gia.

Công ty CP Cơ điện công trình ký Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTKD ngày 05/04/2011 với Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương về việc góp vốn đầu tư xây dựng Dự án tại khu đất có diện tích 149.566 m2 thuộc xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó, khu đất này do Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình - nay là Công ty CP Cơ điện công trình được UBND Thành phố Hà Nội giao làm chủ đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải cho thành phố, nhưng đến nay việc xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại đây là không còn phù hợp. UBND Thành phố Hà Nội đã có chủ trương cho phép Công ty nghiên cứu đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang dự án mới phù hợp với quy hoạch. Theo Hợp đồng liên danh này, Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương góp 49% tổng vốn đầu tư. Phần vốn góp 51% tổng vốn đầu tư của Dự án bao gồm vốn góp của Công ty và vốn của các đối tác khác do Công ty huy động, trực tiếp ký kết. Khoản lợi nhuận làm cơ sở để tính lợi tức là khoản lợi nhuận mà Dự án có được, trừ đi các khoản nộp nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định hiện hành và chi phí hợp lý khác (nếu có). Các Bên được hưởng lợi tức theo tỷ lệ góp vốn trong Hợp đồng. Trên thực tế, đến thời điểm 30/06/2018, Công ty CP Phát triển tài nguyên Đông Dương chưa thực hiện việc góp vốn đầu tư dự án. Giá trị khoản vốn góp tương đương với 49% của Công ty này là 21.050.429.167 đồng được Công ty ghi nhận là khoản phải thu dài hạn khác tương ứng với phần vốn góp Chủ sở hữu được phê duyệt theo Quyết định Cổ phần hóa 1366/QĐ-UBND ngày 18/03/2016 của UBND Thành phố Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu dịch vụ công ích, hoạt động xây lắp, thương mại và cho thuê dịch vụ.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

+ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

+ Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

+ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

+ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị tạm tính bằng với doanh thu ghi nhận trong kỳ: Giá vốn của công trình xây dựng hệ thống chiếu sáng trên địa bàn Dương Xá, Kim Sơn, Huyện Gia Lâm bằng với doanh thu được ghi nhận trong kỳ với giá trị: 7.683.306.455 đồng.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.**1. Tiền**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	98.976.357	59.321.118
Tiền gửi ngân hàng	2.298.616.546	7.201.722.762
Tiền gửi VND	2.269.655.147	7.172.465.903
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	2.020.765.704	6.676.180.528
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	40.490.765	312.954.846
Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Hoàn Kiếm	15.200.437	6.403.491
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa	193.198.241	176.927.038
Tiền gửi USD	20.008.443	20.156.300
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	17.895.234	18.043.091
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	2.113.209	2.113.209
Tiền gửi EUR	8.952.956	9.100.559
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	8.952.956	9.100.559
Các khoản tương đương tiền	6.451.073.265	12.699.600.395
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	6.451.073.265	10.625.093.913
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Đống Đa	-	2.074.506.482
Cộng	8.848.666.168	19.960.644.275

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	9.703.870.162	9.703.870.162	21.561.697.815	21.561.697.815
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Đống Đa	3.000.000.000	3.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	1.200.000.000	1.200.000.000	10.200.000.000	10.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội	5.503.870.162	5.503.870.162	5.361.697.815	5.361.697.815
Cộng	9.703.870.162	9.703.870.162	21.561.697.815	21.561.697.815

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018 VND			01/01/2018 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.740.000.000	-	30.740.000.000	13.265.319.130	-	13.265.319.130
Công ty CP Bất động sản Sài Đồng (*)	30.740.000.000	-	30.740.000.000	13.265.319.130	-	13.265.319.130
Đầu tư vào đơn vị khác	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí (**)	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000
Cộng	46.740.000.000	-	46.740.000.000	29.265.319.130	-	29.265.319.130

(*) Công ty CP BĐS Sài Đồng

	30/6/2018
- Tỷ lệ góp vốn	29%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	29%
- Tóm tắt tình hình	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106894004 ngày 06/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty CP BĐS Sài Đồng có vốn điều lệ là 106.000.000.000 đồng (Một trăm linh sáu tỷ đồng). Công ty sẽ đầu tư vào Công ty CP Bất động sản Sài Đồng 30.740.000.000 đồng, tương đương 29% vốn điều lệ. Đến ngày 30/06/2018, Công ty CP Cơ điện công trình đã góp đủ vốn điều lệ theo điều lệ.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản.

Giao dịch chủ yếu với công ty: không có giao dịch

Tại thời điểm 30/06/2018 Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Bất Động Sản Sài Đồng, Công ty đã dựa trên Báo cáo tài chính của năm 2017 và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của công ty này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

() Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí**

	<u>30/6/2018</u>
- Tỷ lệ góp vốn	8%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết	8%
- Tóm tắt tình hình	

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102354784 cấp thay đổi lần 9 ngày 05/10/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng). Tại ngày 30/06/2018, Công ty đầu tư vào Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí 16.000.000.000 đồng (mười sáu tỷ đồng), tương đương 8,00% vốn điều lệ.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30/06/2018. BCTC của công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí có lãi nên công ty không phải trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				-
Ban Duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	-	-	344.062.000	-
Ban Quản lý Dự án Quận Long Biên	1.885.175.000	-	1.885.175.000	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8	1.690.837.405	-	1.690.837.405	-
Công ty CP Tập đoàn Cienco 4	814.002.119	-	814.002.119	-
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội	821.650.000	-	821.650.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng 808	628.878.915	-	628.878.915	-
Các đối tượng khác	3.465.179.012	-	3.974.270.592	-
Cộng	9.305.722.451	-	10.158.876.031	-

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty CP Lâm Viên Việt Nam	211.521.000	211.521.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	149.000.000	149.000.000
Công ty Cổ phần Thăng Lợi	633.447.122	-
Các đối tượng khác	365.842.130	131.548.972
Cộng	1.359.810.252	492.069.972

5. Phải thu khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.314.713.324	-	7.897.991.111	-
Tạm ứng	986.190.494	-	974.263.225	-
Hoàng Thị Trang	119.432.687	-	132.432.687	-
Đặng Thị Hà	236.035.900	-	248.855.000	-
Vũ Quang Huy	150.826.000	-	117.700.501	-
Phạm Minh Nam	137.000.000	-	137.000.000	-
Các đối tượng khác	342.895.907	-	338.275.037	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải thu khác	7.326.750.388	-	6.923.727.886	-
Phải thu Ban quản lý dự án (i)	6.095.935.282	-	6.095.935.282	-
Phải thu từ tạm ứng CBCNV (ii)	644.016.625	-	644.016.625	-
Phải thu BHXH của người lao động	59.002.549	-	55.980.047	-
Thuế VAT không được khấu trừ (iii)	127.795.932	-	127.795.932	-
Phải thu khác	400.000.000	-	-	-
Phải thu về cổ phần hóa	1.772.442	-	-	-
b) Dài hạn	21.220.429.167	-	21.220.429.167	-
Phải thu khác	21.050.429.167	-	21.050.429.167	-
Công ty Cổ phần Phát triển tài nguyên Đông Dương (iiii)	21.050.429.167	-	21.050.429.167	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	170.000.000	-	170.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS	5.000.000	-	5.000.000	-
Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh dịch vụ SDU	165.000.000	-	165.000.000	-
Cộng	29.535.142.491	-	29.118.420.278	-

(i) Các chi phí liên quan đến việc thực hiện chủ trương nghiên cứu, lập Dự án "Đầu tư Khu đô thị sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao" tại xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó, khu đất này thuộc Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải do Công ty làm chủ đầu tư. Tuy nhiên, do dự án không còn phù hợp nên khu đất đã được chuyển đổi mục đích sử dụng. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến Dự án Nhà máy xử lý rác thải được tập hợp lại và sau này sẽ được phân bổ cho cả các Bên theo Hợp đồng liên danh hoặc sẽ được bên thứ ba quyết toán nếu mảnh đất được điều chuyển cho dự án khác do bên khác đầu tư.

(ii) Đây là khoản tạm ứng của CBCNV đã nghỉ việc. Cụ thể:

Công nợ ông Phạm Thanh Sơn: 560.340.000 đồng. Đây là khoản công nợ đã phát sinh từ năm 2002 khi ông Cao Văn Sơn (Giám đốc Công ty Cơ điện Công trình) ký Hợp đồng mua đất của ông Nguyễn Hữu Bằng qua tạm ứng của ông Phạm Thanh Sơn - nhân viên Công ty. Ông Phạm Thanh Sơn đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2005. Khoản công nợ này đã được bàn giao giữa Giám đốc Công ty Cơ điện Công trình (Cao Văn Sơn) và Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Cơ điện Công trình (Nguyễn Quốc Đám) khi bàn giao chuyển đổi Công ty năm 2005. Khoản công nợ trên hiện khó có khả năng thu hồi.

Công nợ ông Nguyễn Tiến Thanh: 83.676.625 đồng. Khoản công nợ trên phát sinh từ năm 2005 khi ông Nguyễn Tiến Thanh là nhân viên Xí nghiệp Gạch. Tháng 10/2007 ông Nguyễn Tiến Thanh đã tự nghỉ việc tại Công ty khi bị Công ty kỷ luật vì thu tiền nợ mua gạch của khách hàng nhưng không nộp về Công ty. Khoản công nợ của ông Nguyễn Tiến Thanh không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

(iii) Đây là khoản thuế GTGT đầu vào của hàng hóa đến thời hạn Công ty chưa thanh toán treo lại lúc thanh toán sẽ được khấu trừ.

(iiii) Khoản phải thu của Công ty CP Phát triển Tài nguyên Đông Dương theo Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTĐT ngày 05/04/2011 về hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh dự án Tổ hợp công trình sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Khoản phải thu này đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

6. Nợ xấu

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	9.192.029.024	-	6.174.677.349	-
Ban quản lý Dự án Quận Long Biên	1.885.175.000	-	-	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8	1.690.837.405	-	1.690.837.405	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Cơ khí Hà nội	164.609.800	-	164.609.800	-
Công ty CP Thương mại Huy Phương	135.008.393	-	135.008.393	-
Công ty CP Xây lắp cơ giới và Đầu tư Thương mại Constrexim	250.010.025	-	250.010.025	-
Công ty CP Xây dựng công trình giao thông 1	109.302.313	-	109.302.313	-
Ban Quản lý Dự án giao thông đô thị	158.699.354	-	158.699.354	-
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Hà Nội	821.650.000	-	821.650.000	-
Công ty CP Tập đoàn Cienco 4	814.002.119	-	-	-
Chi nhánh Tổng Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam - Xí nghiệp xây lắp số 2	336.151.699	-	336.151.699	-
UBND Huyện Mỹ Đức	253.283.572	-	-	-
Công ty TNHH Nhạc Sơn	155.525.305	-	155.525.305	-
Công ty TNHH Xây dựng Tone Việt Nam	137.461.447	-	137.461.447	-
Công ty CP TRACO 18	205.686.600	-	205.686.600	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Xí nghiệp Xây dựng 60 - Công ty Xây lắp 665	472.037.400	-	472.037.400	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng 808	628.878.915	-	628.878.915	-
Xí nghiệp Xây dựng công trình 30 - Công ty Xây dựng công trình 56	147.775.000	-	147.775.000	-
Xí nghiệp xây lắp	119.947.840	-	119.947.840	-
Các đối tượng khác	705.986.837	-	641.095.853	-
Trả trước cho người bán	460.073.000	-	-	-
Công ty CP Lâm Viên Việt Nam	211.521.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn đào tạo Nguồn lực Việt	42.402.000	-	-	-
Công ty CP GAISEN Việt Nam	50.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuân Trường	7.150.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới	149.000.000	-	-	-
Phải thu khác	644.016.625	-	644.016.625	-
Phạm Thanh Sơn	560.340.000	-	560.340.000	-
Nguyễn Tiến Thanh	83.676.625	-	83.676.625	-
Cộng	10.296.118.649	-	6.818.693.974	-

7. Hàng tồn kho

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	150.022.262	-	150.022.282	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.912.792.542	-	2.917.132.017	-
Thành phẩm	260.264.947	-	260.264.947	-
Hàng hóa	2.275.183.791	-	2.282.040.952	-
Cộng	5.598.263.542	-	5.610.653.476	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2018	62.269.514.534	4.884.173.459	165.842.727	651.085.030	67.970.615.750
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2018	62.269.514.534	4.884.173.459	165.842.727	651.085.030	67.970.615.750
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2018	3.631.083.620	2.978.290.378	139.626.199	-	6.749.000.197
Khấu hao trong năm	618.047.376	208.594.920	15.296.519	-	841.938.815
Số dư ngày 30/06/2018	4.249.130.996	3.186.885.298	154.922.718	-	7.590.939.012
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	58.638.430.914	1.905.883.081	26.216.528	651.085.030	61.221.615.553
Tại ngày 30/06/2018	58.020.383.538	1.697.288.161	10.920.009	651.085.030	60.379.676.738

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/06/2018: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Giá trị quyền sử dụng trong tương lai (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	13.435.977.000	13.435.977.000
Số dư ngày 30/06/2018	13.435.977.000	13.435.977.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	-	-
Số dư ngày 30/06/2018	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	13.435.977.000	13.435.977.000
Tại ngày 30/06/2018	13.435.977.000	13.435.977.000

(*) Là giá trị quyền sở hữu 1.000 m2 sản văn phòng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện công trình.

10. Phải trả người bán

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP Reecom Group	917.455.000	917.455.000	-	-
Công ty TNHH Ngọc Khánh	863.927.971	863.927.971	863.927.971	863.927.971
Công ty TNHH Xuân Vinh	713.021.900	713.021.900	713.021.900	713.021.900
Các đối tượng khác	2.610.353.609	2.610.353.609	3.391.260.154	3.391.260.154
Cộng	5.104.758.480	5.104.758.480	4.968.210.025	4.968.210.025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

11. Người mua trả tiền trước

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn		
Ban quản lý Dự án đầu tư	1.031.362.900	5.483.000.000
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng Hoàng Long- CTCP	136.000.000	136.000.000
Công ty CP Hóa dầu Quân đội - MIPEC	332.254.800	332.254.800
Cty TNHH MTV Chiếu sáng và Thiết bị đô thị	222.588.000	-
Các đối tượng khác	297.962.487	467.744.487
Cộng	2.020.168.187	6.418.999.287

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 30/06/2018
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	-	196.597.510	196.597.510	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	-	199.597.510	199.597.510	-
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.183.852	-	-	8.183.852
Thuế thu nhập cá nhân	176.717.253	-	-	176.717.253
Cộng	184.901.105	-	-	184.901.105

13. Phải trả khác

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn	192.580.528	214.776.868
Dư có TK 141	-	22.196.340
Hà Minh Nguyệt	-	22.196.340
Dư có TK 3388	192.580.528	192.580.528
b) Dài hạn	540.998.960	541.710.880
Ký quỹ, ký cược dài hạn	540.998.960	541.710.880
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	129.200.000	129.200.000
Chi nhánh Công ty CP Tin học Lạc Việt tại thành phố Hà Nội	65.000.000	65.000.000
Công ty TNHH JECC Việt Nam	112.568.400	112.568.400
Công ty CP xuất nhập khẩu Newtechco	-	117.900.480
Công ty CP Brics Việt Nam	117.188.560	-
Công ty TNHH Tổ hợp giáo dục kiến thức nền	38.300.000	38.300.000
Công ty TNHH Tiếp vận M&P	78.742.000	78.742.000
Cộng	733.579.488	756.487.748

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

14. Vốn chủ sở hữu**14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2017	186.000.000.000	35.720.818	186.035.720.818
Lỗ trong năm trước	-	(7.175.051.799)	(7.175.051.799)
Số dư tại ngày 31/12/2017	186.000.000.000	(7.139.330.981)	178.860.669.019
Lỗ trong năm nay	-	(1.522.779.951)	(1.522.779.951)
Số dư tại ngày 30/06/2018	186.000.000.000	(8.662.110.932)	177.337.889.068

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn nhà nước	183.938.000.000	183.938.000.000
Vốn cổ đông	2.062.000.000	2.062.000.000
	186.000.000.000	186.000.000.000

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	186.000.000.000	186.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

14.4 Cổ phiếu

	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.600.000	18.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.600.000	18.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Đồng đô la Mỹ (USD)	951,38	957,98
Đồng Euro (EUR)	320,76	326,22

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	7.268.800	6.328.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.633.999.989	6.465.120.843
Doanh thu xây dựng	7.683.306.455	-
Cộng	10.324.575.244	6.471.448.843

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa	6.857.161	5.944.222
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.907.584.521	5.254.560.315
Giá vốn xây dựng	7.683.306.455	-
Cộng	9.597.748.137	5.260.504.537

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	483.324.514	754.809.468
Cộng	483.324.514	754.809.468

4. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	117.900.480	-
Cộng	117.900.480	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	4.800.120	127.635.577
Hoàn trả tiền quyết toán công trình	30.459.000	-
Chi phí khác	1	-
	35.259.121	127.635.577

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.345.875.647	1.369.623.215
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.193.278	41.480.804
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.545.528	838.239.618
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	7.902.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.491.497	149.751.334
Chi phí bằng tiền khác	999.466.981	1.703.908.908
Cộng	2.815.572.931	4.110.906.731

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.139.713.708	1.633.586.381
Chi phí nhân công	2.873.228.855	2.601.451.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	841.938.815	905.196.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	870.330.212	257.334.990
Chi phí khác bằng tiền	1.029.507.882	3.464.605.031
Cộng	12.754.719.472	8.862.174.603

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	10.925.800.238	7.226.258.311
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	10.925.800.238	7.226.258.311
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	12.448.580.189	9.499.046.845
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	12.448.580.189	9.371.411.268
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	127.635.577
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.522.779.951)	(2.145.152.957)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.522.779.951)	(2.272.788.534)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.522.779.951)	(2.272.788.534)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.600.000	18.600.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(81,87)	(122,19)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lãi nhập gốc tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	178.377.347	-
Lãi dự thu	8.226	-

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Lương, thưởng	125.458.772	248.677.274
Cộng	125.458.772	248.677.274

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu (các cổ đông) thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.848.666.168	19.960.644.275
Nợ thuần	(8.848.666.168)	(19.960.644.275)
Vốn chủ sở hữu	177.337.889.068	178.860.669.019
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0%	0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.848.666.168	19.960.644.275
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.840.864.942	39.277.296.309
Các khoản đầu tư tài chính	25.703.870.162	37.561.697.815
Cộng	73.393.401.272	96.799.638.399
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.838.337.968	5.724.697.773
Cộng	5.838.337.968	5.724.697.773

28-7
TY
-UY
ĐINH
AM
TP. V

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Địa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp Phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNHĐịa chỉ: Tầng 8, Tháp A, Tòa nhà tổ hợp Sky Tower, Số 88 Láng Hạ,
P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018
đến ngày 30/06/2018**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

30/06/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.297.339.008	540.998.960	5.838.337.968
01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.182.986.893	541.710.880	5.724.697.773

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.848.666.168	-	8.848.666.168
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.620.435.775	21.220.429.167	38.840.864.942
Các khoản đầu tư tài chính	9.703.870.162	16.000.000.000	25.703.870.162
01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.960.644.275	-	19.960.644.275
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.056.867.142	21.220.429.167	39.277.296.309
Các khoản đầu tư tài chính	21.561.697.815	16.000.000.000	37.561.697.815

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

Kế toán trưởng



Nguyễn Tiến Ngọc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Cương